

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Ngọc T.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hồng Y - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 93/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Đình T, sinh năm 1993.

ĐKKHKT: khu 6, xã Đ, huyện N, tỉnh A.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản, Ibaraki, Hokota, Tsukuriya 858-13.

- Chị Đỗ Thị Thu Hà, sinh năm 1995.

ĐKKHKT: khu 6, xã Đ, huyện N, tỉnh A.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lê Văn Q, sinh năm 1970,

Bà , sinh năm 1970.

ĐKKHKT: khu 6, xã Đ, huyện N, tỉnh A.

(Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai tiếp theo, anh Lê Đình T và chị Đỗ Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Đình T và chị Đỗ Thị Thu H đã ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 01/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh A. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó đến năm 2022 anh Lê Đình T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ đó đến nay giữa hai vợ chồng anh chị thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Lê Đình T và chị Đỗ Thị Thu H thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: anh Lê Đình T và chị Đỗ Thị Thu H xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 28/6/2014, cháu Lê Hoài C, sinh ngày 19/6/2016, cháu Lê Phương S, sinh ngày 15/9/2021. Khi ly hôn, anh T và chị H thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê Hoàng Bảo N và cháu Lê Phương S cho chị Hà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Hoài C cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T và chị H tự thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh T đang ở Nhật Bản nên anh chị thống nhất thỏa thuận tạm giao cháu Lê Hoài C cho ông Lê Văn Q và bà Đỗ Thị B (là bố mẹ đẻ anh T) nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh T trở về Việt Nam đón cháu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Q và bà Đỗ Thị B trình bày: ông bà là bố mẹ đẻ của anh Lê Đình T. Về việc anh T và chị H ly hôn ông bà hoàn toàn nhất trí và tôn trọng nguyện vọng của anh chị. Ông Q, bà B đồng ý sẽ thay mặt anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hoài C cho đến khi anh T về nước, ông bà cũng cam kết sẽ tạo mọi điều kiện để cháu Lê Hoài C được chăm sóc tốt nhất. Ông bà không đặt ra vấn đề cấp dưỡng đối với anh T.

Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: anh T và chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự, chi phí giám định: anh Lê Đình T và chị Đỗ Thị Thu H thống nhất chị Đỗ Thị Thu H chịu toàn bộ.

Chị Hà, anh T đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt anh chị. Ông Q, bà B đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông bà.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình T và chị Đỗ Thị Thu H; Về con chung: giao cháu Lê Hoàng Bảo N và cháu Lê Phương S cho chị Hà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Hoài C cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm giao cháu Lê Hoài C cho ông Lê Văn Q và bà Đỗ Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh

Ttrở về Việt Nam; Mức cấp dưỡng do anh T và chị Htự thỏa thuận; Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét; Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị Đỗ Thị Thu H chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A, Tòa án nhân dân tỉnh A nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Đình T và chị Đỗ Thị Thu H là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Lê Đình T và chị Đỗ Thị Thu H đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, việc anh T và chị Hthỏa thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong hồ sơ thể hiện anh Lê Đình T hiện nay đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 8291/QLXNC-P5 ngày 14/4/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an đã cung cấp thông tin: “*Lê Đình T, sinh ngày 21/01/1993, đã xuất cảnh ngày 09/8/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.*”. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh A thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Theo đơn đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định của chị Đỗ Thị Thu H đối với chữ ký của anh T trong các Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự; Đơn đề nghị do anh Tgửi về Việt Nam. Tòa án nhân dân tỉnh A đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A tiến hành giám định đối với chữ ký của anh Ttrong các văn bản nêu trên. Tại Kết luận giám định số 1056/KLGĐ-KTHS ngày 14/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A đã kết luận như sau: “*Chữ ký dạng chữ viết “Trung” dưới mục “Chồng; Người làm đơn”trên “Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự; Đơn đề nghị” (mẫu cân giám định ký hiệu A1, A2) so với chữ ký dạng chữ viết “Trung” dưới mục “Chồng” trên “Giấy chứng nhận kết hôn” (mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người ký ra*”. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định rằng việc anh Lê Đình T hoàn toàn tự nguyện thuận tình ly hôn với chị Đỗ Thị Thu H.

Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định anh Lê Đình T và chị Đỗ Thị Thu Hcó 03 con chung là cháu Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 28/6/2014, cháu Lê Hoài C, sinh ngày 19/6/2016, cháu Lê Phương S, sinh ngày 15/9/2021. Sau khi ly hôn anh T và chị H thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê Hoàng Bảo N và cháu Lê Phương S cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Hoài C cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay anh T đang ở Nhật Bản nên anh chị thống nhất thỏa thuận tạm giao cháu Lê

Hoài C cho ông Lê Văn Q và bà Đỗ Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh T trở về Việt Nam. Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu Lê Hoàng Bảo N mong muốn được ở với mẹ và cháu Lê Hoài C mong muốn được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn, cháu Lê Phương S hiện vẫn còn nhỏ. Ông Q, bà B nhất trí với thỏa thuận của anh T và chị H về con chung.

Xét thấy, thỏa thuận giữa anh Trung, chị Hà, Ông Q, bà B phù hợp với nguyện vọng của các con chung và quy định của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: anh T và chị H tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: anh T và chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí giám định: chị H chịu toàn bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm c khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình T và chị Đỗ Thị Thu H.

[2] Về con chung: Công nhận thỏa thuận về nuôi con chung giữa anh Lê Đình T và chị Đỗ Thị Thu Hà. Giao cháu Lê Hoàng Bảo N và cháu Lê Phương S cho chị Hà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Hoài C cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm giao cháu Lê Hoài C cho ông Lê Văn Q và bà Đỗ Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi anh T trở về Việt Nam.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: anh T và chị H tự thỏa thuận.

Anh Lê Đình T, chị Đỗ Thị Thu H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: anh Lê Đình T và chị Đỗ Thị Thu H xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí giám định.

- Lệ phí giải quyết việc dân sự: chị Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị Đỗ Thị Thu H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000492 ngày 27/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh A.

- Về chi phí giám định: Công nhận chị Đỗ Thị Thu H tự nguyện chịu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí giám định. Xác nhận chị Đỗ Thị Thu H đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

[5] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã Đ;
- Dương sự;
- Lưu: AV, HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Ngọc T